

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Dung

Ông Nguyễn Huy Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
– Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2025/TLST-
HNGĐ ngày 25/7/2025, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Y, sinh năm 2002.

Số CCCD: 030302005613, cấp ngày 26/8/2021

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã A, thành phố H;

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, thành phố H.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1999.

Số CCCD: 030099005474, cấp ngày 17/02/2023

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã A, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: nước N.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm
1972 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; Đều có địa chỉ: Thôn C, xã A, thành
phố H.

4. Người được anh Q, ông A, bà H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố H
(Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phan Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Y và anh Nguyễn Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh H ngày 26/3/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Năm 2023, anh Q đi xuất khẩu lao động tại N thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng xa nhau thường xuyên bất đồng quan điểm, hay nghi ngờ không tin tưởng nhau về mọi mặt, hơn nữa chị Y ở cùng bố mẹ chồng cũng không được hòa hợp. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần, thường xuyên xảy ra bất đồng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân được gần 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay anh Q vẫn đang làm việc tại N. Đến nay, chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022, hiện cả hai con đang ở với ông bà nội là ông A, bà H là bố mẹ đẻ anh Q. Anh chị ly hôn chị đồng ý giao cả hai con chung là cháu N và cháu Đ cho anh Q nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q mỗi tháng 1.500.000 đồng/01con/tháng (3.000.000 đồng/02 con/ tháng). Việc anh Q không ở nhà nên không trực tiếp nuôi dưỡng các con mà có nhờ và ủy quyền cho bố mẹ đẻ anh Q là ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H giúp anh Q nuôi dưỡng các con của anh chị thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết xé xữ vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Q xác định anh và chị Phan Thị Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh H ngày 26/3/2021. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu. Càng về sau vợ chồng càng xảy ra nhiều tranh cãi, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh cũng nhiều lần tìm cách nói chuyện với chị Y để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Y xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022, hiện cả hai con đang ở với ông bà nội là ông A, bà H là bố mẹ đẻ của anh. Anh chị ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung với anh mỗi tháng 1.500.000 đồng/01con/tháng

(3.000.000 đồng/02 con/ tháng). Việc anh không ở nhà nên không trực tiếp nuôi dưỡng các con mà có nhờ và ủy quyền cho bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H giúp anh Q nuôi dưỡng các con của anh trong thời gian anh không ở Việt Nam.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Y, anh Q đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q. Sau khi kết hôn chị Y về nhà anh Q sinh sống. Sau đó anh Q đi lao động tại N, chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị Y có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị H (bố mẹ đẻ anh Q) trình bày: anh Q và chị Y là vợ chồng nhưng quá trình chung sống của anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay ông bà được biết tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Y. Về con chung: anh Q và chị Y có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022, hiện cả hai con chung của anh chị đang ở cùng ông bà. Nguyên vọng của anh Q khi ly hôn là được nuôi dưỡng cả hai con chung và có nhờ và ủy quyền cho ông A, bà H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu khi anh Q không có ở Việt Nam, ông bà đồng ý nuôi giúp anh Q theo nguyện vọng của anh Q. Ông bà xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa xét xử. Ông bà có ủy quyền cho anh L giao nhận văn bản tài liệu của Tòa án.

Tại Công văn trả lời số của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H thể hiện: Trường hợp Nguyễn Văn Q có thông tin xuất cảnh ngày 01/7/2023 qua sân bay N, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Y, bị đơn anh Q vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phan Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022 cho anh Q chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ 1con/tháng (3.000.000 đồng/02 con/tháng). Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; Nơi ĐKKHTT: Thôn C, xã A, thành phố H; Nơi ở hiện nay: nước N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng. Tại phiên tòa chị Y, anh Q đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Y và anh Nguyễn Văn Q được tự do tìm hiểu và sinh sống tại thôn C, xã A, huyện N vào năm 2021. Anh chị chung sống với nhau một thời gian, chị Y và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp từ quan điểm, tính cách, nên thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng nhau. Đến năm 2023, anh Q đã đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng rất ít liên lạc hay hỏi thăm nhau về công việc, cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không ai quan tâm đến ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Y, anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua quan điểm của địa phương, gia đình và các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Y được ly hôn anh Q.

[2.2]. Về quan hệ con chung: chị Y và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022. HĐXX xét thấy con chung của chị Y và anh Q hiện vẫn còn nhỏ và đang ở với ông A và bà H là bố mẹ đẻ của anh Q. Chị Y về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Q đi lao động tại N. Anh Q và chị Y thống nhất giao cả 02 con chung của anh chị cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả 02 con chung đủ 18 tuổi. Chị Y và anh Q cũng thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng chị Y cấp dưỡng nuôi 02 con chung với anh Q là 1.500.000 đồng/1con/tháng (02 con là 3.000.000 đồng/2con/tháng) Để đảm bảo sự ổn định và phát triển của con chưa thành niên, HĐXX giao cho anh Q nuôi dưỡng cả 02 con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022 cho đến khi cả 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có), theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Y ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 22/7/2019 và Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 07/8/2022 cho anh Nguyễn Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 8/2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Chị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q là 1.500.000 đồng/01 con/tháng (3.000.000 đồng/02 con/tháng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong thời gian anh Q không có mặt ở Việt Nam, tạm giao 02 con chung Nguyễn Quỳnh N và Nguyễn Hoàng Đ cho ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Phan Thị Y thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số: 0000094 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Y còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Phú, TP Hải Phòng (Số
ĐK:10 ngày 26/3/2021);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Dung Nguyễn Huy Sơn

Nguyễn Thị Vân Anh